

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2021
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Trường

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị N, sinh năm 1957 địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N; “có mặt”.

Bị đơn:

- Bà Cao Thị T sinh năm 1952 địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

- Bà Cao Thị X sinh năm 1964 địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

- Bà Cao Thị X1 sinh năm 1970 địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Văn T, sinh năm 1960 địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của ông Cao Văn T: Bà Cao Thị N, sinh năm 1957

địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N là người đại diện theo ủy quyền của ông T (văn bản ủy quyền ngày 01-4-2021); “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16-3-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị N trình bày: Bố mẹ của bà Cao Thị N là cụ Cao Văn Th, chết năm 1995 và cụ Phan Thị N1, chết năm 2016. Bố mẹ bà sinh được 6 người con là: Cao Văn T (là Liệt sỹ, không có vợ, con), Cao Thị T, Cao Văn T, Cao Thị X, Cao Thị X1 và bà (Cao Thị N). Cụ Th, N có thửa đất tại xóm 5, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, Năm 1985 đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Cao Văn T (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); phần đất còn lại 2 cụ vẫn sinh sống cho đến khi qua đời và năm 2008 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị N. Cụ Th, N chết không để lại di chúc. Trước khi chết, bố mẹ bà đều nói phần đất đã cho ông Cao Văn T thì không tính nữa, phần đất còn lại của bố mẹ bà chia cho 4 người con gái mỗi người một suất. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại. Nguyên vọng của bà là được nhận phần đất giáp đất ông K chiều dài giáp đường 5m kéo dài hết thổ, bà Cao Thị X1 được quyền sở hữu, sử dụng một phần diện tích đất chiều rộng là 5m, kéo dài hết thổ, sát phần diện tích đất chia cho bà; bà Cao Thị T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần diện tích nhà ngói và các công trình xây dựng trên đất; bà Cao Thị X được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ phần nhà mái bằng, bếp; không ai phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau và giữ nguyên kết quả xem xét, thẩm định, định giá.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn là bà Cao Thị T, Cao Thị X, Cao Thị X1 đều trình bày: Cụ Th và cụ N sinh được 6 người con là: Cao Văn Thi (là Liệt sỹ, không có vợ, con), Cao Thị T, Cao Văn T, Cao Thị X, Cao Thị X1 và Cao Thị N, đều đồng ý với phần trình bày của bà N về nguồn gốc đất, năm chết của bố mẹ và số chị em trong gia đình. Nay bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đều nhất trí với ý kiến của bà N đã trình bày. Các bà đều tự nguyện, thống nhất không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản, giữ nguyên kết quả xem xét, thẩm định, định giá và đề nghị vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 01-4-2021 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn T trình bày: Ông là con trai của cụ Th, N. Bố mẹ ông khi chết không để lại di chúc. Trước khi chết, bố mẹ đã chuyển nhượng cho ông một phần diện tích đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất còn lại hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N, đề nghị Tòa án chia cho 4 chị em theo nguyên vọng của họ. Còn ông đã được bố mẹ cho đất nên ký phần của ông nhượng lại cả cho bà T, X, X1, N. Do bận công việc nên ông ủy quyền cho bà N.

Tại biên bản xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 01-4-2021, cơ sở xã H cung cấp: Về nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là của cụ Cao Văn Th (đã chết năm 1995) và cụ Phan Thị N (đã chết năm 2016). Hai cụ có 6 người con là 6 người con là: Cao Văn Th (là Liệt sỹ, không có vợ, con), Cao Thị T,

Cao Văn T, Cao Thị X, Cao Thị X1 và bà (Cao Thị N), hiện di sản do bà X, bà T đang quản lý, không nợ nần đối với cá nhân và tập thể. Từ trước tới nay, thửa đất được sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề, mốc giới, hiện trạng đất không thay đổi. Diện tích đo thực tế và diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai lệch do được phép trong đo đạc và khi làm đường có lấy vào một phần diện tích nên lấy diện tích đo thực tế làm căn cứ. Nay bà N yêu cầu chia thừa kế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản cụ thể như sau: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 40, tại xóm 5 xã H mang tên cụ Phan Thị N có vị trí như sau: Phía Nam giáp đường dong xóm: rộng 27,2m; phía Bắc giáp ruộng: rộng 29,1m; phía Đông giáp thổ ông T: dài 27,2m; phía Tây giáp thổ ông K: dài 36,1m. Trên diện tích này có các công trình xây dựng sau: 01 nhà mái ngói: 69.576.615 đồng, 01 nhà mái bằng: 174.441.215 đồng; 01 bếp: 6.881.760 đồng; 01 sân bê tông: 13.944.480 đồng; 01 bể nước: 3.332.684 đồng. 01 mái tôn: 4.569.600 đồng, 01 tường bao: 13.435.870 đồng. Đất có giá trị chuyển nhượng ở địa phương tại thời điểm định giá là 2.500.000 đồng/m²; tổng giá trị các công trình xây dựng là 286.182.224 đồng; tổng giá trị các cây trồng trên đất là 5.145.000 đồng. Các đương sự đều nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Th ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 623, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định người hưởng thừa kế của cụ Cao Văn Th, Phan Thị N gồm: bà Cao Thị T, bà Cao Thị X, bà Cao Thị N, ông Cao Văn T và bà Cao Thị X1.

Xác định di sản thừa kế của cụ Th, cụ N là diện tích đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 40, xã 5 xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định là 1035 m² đất có giá trị quyền sử dụng đất là 2.587.500.000 đồng đồng và giá trị các công trình xây dựng, cây trồng trên thửa đất có giá trị 107.171.409 đồng, tổng là 2.694.671.409 đồng. được chia cho 5 người thừa kế mỗi người thừa kế được hưởng giá trị di sản là 538.934.281 đồng.

Bà Cao Thị N được quyền sử dụng, sở hữu đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất phần đất có chiều rộng 5 m, kéo dài hết thổ, giáp thổ ông K. Bà Cao Thị X1 được quyền sử dụng, sở hữu đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất phần đất có chiều rộng 5 m, kéo dài hết thổ, giáp phần đất đã chia cho bà N. Bà Cao Thị T được

quyền sử dụng, sở hữu đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất phần đất có nhà mái ngói. Bà Cao Thị X được quyền sử dụng, sở hữu đất, toàn bộ tài sản gắn liền với đất phần đất có nhà mái bằng. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Th, cụ N cho bà N, Toan, Xoan, Xuân và không yêu cầu thanh toán giá trị di sản. Đương sự phải nộp án phí, được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Cao Văn Th chết năm 1995, cụ Phan Thị N chết năm 2016, không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 611, 623 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Cao Thị N khởi kiện ngày 16-3-2021 nên vụ án được giải quyết vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về tố tụng: Bà T, bà X, bà X1 xin vắng mặt; Ông T vắng mặt nhưng có đơn ủy quyền cho bà N; Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về di sản thừa kế: Cụ Cao Văn Th và cụ Phan Thị N có khối tài sản chung gồm: đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 40, với diện tích đất là 1094 m² tại xóm 5 xã H và đã được UBND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 mang tên Phan Thị N; (Diện tích đo thực tế và diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai lệch nhỏ cho phép đo đạc nên lấy diện tích thực tế 1035 m² đo đạc làm căn cứ), có giá trị là 2.587.500.000 đồng.

Các công trình là tài sản chung của các cụ được xây dựng trên gồm: 01 nhà mái ngói; 01 bếp; 01 sân bê tông; 01 bể nước, 01 tường bao; trị giá 107.171.409 đồng. Đối với 01 nhà mái bằng, 01 mái tôn (179.007.215 đồng) do bà X xây dựng là tài sản riêng của bà X nên không liên quan đến việc chia thừa kế.

[4] Về việc xác định người thừa kế: Cụ Cao Văn Th (đã chết năm 1995) và cụ Phan Thị N (đã chết năm 2016), có 6 người con là 6 người con là: Cao Văn Thi (là Liệt sỹ, không có vợ, con), Cao Thị T, Cao Văn T, Cao Thị X, Cao Thị X1 và bà (Cao Thị N). Cụ Th chết năm 1995, cụ N chết năm 2016 không để lại di chúc và bà T, bà X đang quản lý các tài sản trên. Bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Vì vậy người thừa kế theo pháp luật theo hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th, cụ N là bà T, bà X, bà N, ông T và bà X1.

[5] Về kỹ phân thừa kế: Di sản của cụ Th, N là 1035 m² đất có giá trị là 2.587.500.000 đồng và giá trị các công trình xây dựng, cây trồng trên đất là 107.171.409 đồng, tổng là 2.694.671.409 đồng; được chia cho 5 người thừa kế mỗi người thừa kế được hưởng giá trị di sản là 538.934.281 đồng.

[6] Về yêu cầu chia hiện vật: Thừa đất diện tích có chiều mặt đường là 27,2m có thể chia bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế được. Mặt khác, để đảm bảo nguyện vọng của các đương sự và sự ổn định của các công trình xây dựng trên đất nên chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự: bà T tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất, các công trình xây dựng trên đất có 01 nhà mái ngói và các tài sản khác; bà X tiếp tục sở hữu, sử dụng phần đất, các công trình xây dựng trên đất có 01 nhà mái bằng và các tài sản khác; bà N sử dụng phần diện tích đất giáp thổ ông K có chiều rộng 5m kéo dài hết thổ đất và các tài sản trên đất; bà X1 sử dụng phần diện tích đất giáp phần đất đã chia cho bà N có chiều rộng 5m kéo dài hết thổ đất và các tài sản trên đất. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng cho bà T, bà X, bà N và bà N. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu thanh toán chênh lệch về tài sản.

[7] Về án phí: Bà Cao Thị T, Cao Thị N là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí; ông Cao Văn T nhượng lại phần thừa kế và là người cao tuổi nên không phải chịu án phí; bà Cao Thị X và bà Cao Thị X1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 611, 612, 613, 623, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cụ Cao Văn Th và cụ Phan Thị N.

2. Bà Cao Thị N được quyền sử dụng 181 m² đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 24 tờ bản đồ số 40 thuộc xóm 5, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tứ cận liền kề như sau: Phía Nam giáp đường rộng 5 m; phía Tây dài 36,1 m giáp phần đất hộ ông K; phía Đông dài 36,3 m giáp phần đất chia cho bà X1; phía Bắc giáp ruộng dài 5 m (có sơ đồ kèm theo).

Bà Cao Thị X1 được quyền sử dụng 182 m² đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 24 tờ bản đồ số 40 thuộc xóm 5, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tứ cận liền kề như sau: Phía Nam giáp đường rộng 5 m; phía Tây dài 36,3 m giáp phần đất chia cho bà N; phía Đông dài 36,35 m giáp phần đất chia cho bà T; phía Bắc giáp ruộng dài 5 m (có sơ đồ kèm theo).

Bà Cao Thị T được quyền sử dụng 404 m² đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 24 tờ bản đồ số 40 thuộc xóm 5, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tứ cận liền kề như sau: Phía Nam giáp đường rộng 11 m; phía Đông dài 36,3 m giáp phần đất chia cho bà X; phía Tây dài 36,35 m giáp phần đất chia cho bà X1; phía Bắc giáp ruộng dài 11 m (có sơ đồ kèm theo).

Bà Cao Thị X được quyền sử dụng 268 m² đất và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 24 tờ bản đồ số 40 thuộc xóm 5, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tứ cận liền kề như sau: Phía Nam giáp đường rộng 6,2 m; phía Đông dài 37,2 m giáp phần đất ông T; phía Tây dài 36,9 m giáp phần đất chia cho bà T; phía Bắc giáp ruộng dài 8,1 m (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm kê khai đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất được giao tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu thanh toán chênh lệch tài sản.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T nhượng lại phần di sản thừa kế được hưởng của cụ Th, cụ N cho bà N, Toan, Xoan, Xuân và không yêu cầu thanh toán giá trị di sản.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị X1 phải nộp 22.200.000 đồng; bà Cao Thị X phải nộp 30.800.000 đồng; bà Cao Thị N và bà Cao Thị T là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí.

6. Quyền kháng cáo: Bà N, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T, bà X, bà X1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân Trường

Cao Văn Thịnh

Trần Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

